TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM,
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00935

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Vật lý 2 (202206) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 20/01/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD203 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt :

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10130102	VÕ SANG XUÂN	DH10DT				4	6,0	5,4	5	4

Số bài: 34 ; Số tờ: 34

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Nguyễn Triệu Lan.

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00935

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Vật lý 2 (202206) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 20/01/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD203 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08137024	LÊ MINH	THƯ	DH08NL				9	8,0	8,3	8	3
20	11130025	TRẦN KHẢI CÁT	TIÊN	DH11DT				6	5,0	5,3	5	3
21	11130026	ĐẶNG NGỌC	TIÊN	DH11DT				7	4,0	4,9	4	9
22	11154062	NGUYỄN MINH	TIÊN	DH11OT				5	6,0	5,7	5	7
23	10154085	NGUYỄN QUANG CÔNG	TOẠI	DH10OT				6	7,0	6,7	6	7
24	11130093	CHÂU MINH	TRÍ	DH11DT				8	4,5	5,6	5	6
25	10154050	HUỲNH CÔNG	TRÍ	DH10OT				6	5,5	5,7	5	7
26	11130028	LÊ CAO	TRÍ	DH11DT				5	5,0	5	5	0
27	11130039	SƠN MINH	TRÍ	DH11DT				7	3,5	4,6	4	6
28	11130083	LÊ CÔNG NGUYỄN	TRỌNG	DH11DT				7	8,0	7,7	7	7
29	08138015	TRƯƠNG VĂN	TRUNG	DH08TD				V	5,0	3,5	3	5
30	10154088	LÊ VĂN	TUẤN	DH10OT				4	7,0	6,1	6	1
31	08154059	LÊ THANH	TÙNG	DH08OT				4	8,0	6,8	6	8
32	10130097	LÊ THANH	TÙNG	DH10DT				0	V	0	0	0
33	09153033	NGUYỄN NHƯ LONG	TUYỀN	DH09CD				3	5,5	4,8	4	8
34	10153051	NGUYỄN TRỌNG	TUYỂN	DH10CD				6	1,0	2,5	2	5
35	12130040	TRANG QUỐC	VĂN	DH12DT				6	5,0	5,3	5	3
36	12130124	HỒNG CHỒI	VÂN	DH12DT				6	2,0	3,2	3	2

Số bài: 34 ; Số tờ: 34

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Nguyễn Thiết Lan

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00935

P-22/02/13

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Vật lý 2 (202206) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 20/01/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD203 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11154049	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH11OT					V		0	0
2	10154095	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	DH10OT				6	4,0	4,6	4	6
3	10154035	HỒ THÁI OANH	SỸ	DH10OT				5	3,0	3,6	3	6
4	08154024	TÔ YÔ	TA	DH08OT				7	5,0	5,6	5	6
5	08137039	PHẠM GIA	TÀI	DH08NL				5	7,0	6,4	6	4
6	12130171	TRẦN ĐÌNH	TÀI	DH12DT					V		0	0
7	12130025	VÕ HOÀNG	TÂM	DH12DT				5	4,0	4,3	4	3
8	10153034	HOÀNG SỸ MINH	TÂN	DH10CD				6	4,5	5,0	5	0
9	10118013	PHAN DUY	TÂN	DH10CK				6	8,5	6	6	0
10	12130106	PHAN THANH	TÂN	DH12DT				6	1,0	2,5	2	5
11	10154041	ĐỖ TẤN	THÁI	DH10OT				1	3,0	2,4	2	4
12	11130037	HUỲNH QUANG	THÁI	DH11DT				5	4,0	5,2	5	2
13	11153029	LÊ DUY	THANH	DH11CD				8	7,0	7,3	7	3
14	11154058	LÊ VĂN	THÀNH	DH11OT				7	8,0	7,7	7	7
15	12130109	NGUYỄN MINH	THÀNH	DH12DT				4	6,0	5,4	5	4
16	11154048	BÙI MINH	THIỆN	DH11OT				9	8,0	8,3	8	3
17	10154042	LÂM QUANG	THIỆN	DH10OT				7	9,0	8,4	8	4
18	11130038	NGUYỄN PHÚC	THỊNH	DH11DT				5	4,0	5,2	5	2

Số bài: 34 ; Số tờ: 34

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00933

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Vật lý 2 (202206) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 20/01/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD201 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10119002	NGUYỄN ĐÌNH	LINH	ĐH10CC	1			5	6,0	5,7	5	7

Số bài: 32 ; Số tờ: 32

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 Đặng Văn Quý

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Nguyễn Triều Lam

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00933

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Vật lý 2 (202206) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 20/01/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD201 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt :

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09136023	NGUYỄN NGỌC	HẢI	DH09TD	1			4	4,5	4,4	4	4
20	07130029	TÔ XUÂN	HẢI	DH08DT	1			8	8,0	8	8	0
21	09154016	LÊ ĐÌNH	HẠNH	DH09OT	1			4	2,0	2,6	2	6
22	09137004	NGUYỄN VŨ	HIỆP	DH09NL	1			6	1,0	2,5	2	5
23	12130189	PHẠM NGỌC	HIẾU	DH12DT	1			9	8,0	8,3	8	3
24	11130008	NGUYỄN THÁI	HÒA	DH11DT	1			5	1,0	3,1	3	1
25	11154056	NGUYỄN TÂM	HỌC	DH11OT	1			7	5,0	5,6	5	6
26	10154070	DƯƠNG MINH	HỢP	DH10OT	1			6	3,0	3,9	3	9
27	11153017	NGUYỄN VĂN	HÙNG	DH11CD	1			5	5,0	5	5	0
28	11153024	NGUYỄN VIẾT	HÙNG	DH11CD	1			8	6,0	6,6	6	6
29	09118007	TRẦN CÔNG	HƯỜNG	DH09CK	1			1	3,0	2,1	2	1
30	10130033	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	KHANG	DH10DT	1			6	3,5	4,3	4	3
31	12130326	HỒ QUỐC	KHÁNH	DH12DT	1			7	8,5	8,1	8	1
32	10130034	NGUYỄN SƠN	KHÁNH	DH10DT	1			1	3,0	2,1	2	1
33	10153019	NÔNG VĂN	KHIÊM	DH10CD	1			5	5,0	5,3	5	3
34	09153053	PHÙNG ĐĂNG	KHOA	DH09CD	1			6	1,0	2,5	2	5
~~35~~	~~10130035~~	~~PHẠM QUỐC~~	~~KHƯƠNG~~	~~DH10DT~~								
36	11130094	LÂM ÁI	LINH	DH11DT	1			7	4,0	4,9	4	9

Số bài: 32 ; Số tờ: 32

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Đặng Văn Quý

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 — Nguyễn Triều Lan

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00933

22/02/13

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Vật lý 2 (202206) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 20/01/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD201 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10 %)	Đ2 (30 %)	Điểm thi (60 %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154056	TRẦN NGỌC	ÁI	DH10OT	1		5	5	7,0	6,4	6	4
~~2~~	~~12130001~~	~~NGUYỄN ĐỨC~~	~~ANH~~	~~DH12DT~~								
3	11154002	NGUYỄN TUẤN	ANH	DH11OT	1			6	6,0			
4	11130001	NGUYỄN VĂN CHỨC	ÂN	DH11DT	1				5,0			
~~5~~	~~09119003~~	~~NGUYỄN ĐỨC~~	~~BÌNH~~	~~DH09CC~~								
6	12130049	NGUYỄN THANH	CẢNH	DH12DT	1			3	2,0			
~~7~~	~~08154003~~	~~LÂM VĂN~~	~~CÔNG~~	~~DH08OT~~								
~~8~~	~~10154057~~	~~VÕ THÀNH~~	~~CÔNG~~	~~DH10OT~~								
9	09153043	NGUYỄN TẤN	CƯỜNG	DH09CD	1			V	6,0	4,2	4	2
10	09138019	TRẦN THÀNH	DIỆU	DH09TD	1			6	8,0	7,4	7	4
11	09153045	LÊ TIẾN	DŨNG	DH09CD	1			8	8,0	8	8	0
12	10130016	HOÀNG ĐÌNH	DƯƠNG	DH10DT	1			4	5,0	4,7	4	7
13	11130054	VÕ TRẦN	ĐẠI	DH11DT	1			5	6,5	6,1	6	1
14	08130021	LÝ MINH	ĐẠT	DH08DT	1			6	6,0	6	6	0
15	12130054	PHẠM DUY	ĐẠT	DH12DT	1			5	3,5	4	4	0
16	10130111	PHÙNG VĂN	ĐẠT	DH10DT	1			5	6,0	6	6	0
17	12130055	TRỊNH THÀNH	ĐẠT	DH12DT	1			6	2,0	3,2	3	2
18	10153006	HOÀNG VĂN	ĐỒNG	DH10CD	1			6	3,0	3,9	3	9

Số bài: 32 ; Số tờ: 32

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Đặng Văn Quý

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thiều Lan

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00934

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Vật lý 2 (202206) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 20/01/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD202 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt :

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11130042	NGUYỄN VĨNH SONG	DH11DT				5	3,0	4,5	4	5

Số bài: 35 ; Số tờ: 35

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Nguyễn Văn Hiếu

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Triệu Lan

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00934

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Vật lý 2 (202206) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 20/01/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD202 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10154099	NGUYỄN THẾ	NHÂM	DH10OT				5	0,5	1,9	1	9
20	08130056	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	DH08DT				2	4,6	4,8	4	8
21	11130017	LƯƠNG VĂN	NHẪN	DH11DT				8	4,0	5,2	5	2
22	11154041	VŨ ĐÌNH	NHINH	DH11OT				5	6,0	5,7	5	7
23	11130069	NGUYỄN PHẠM MINH	NHỰT	DH11DT				4	5,0	4,7	4	7
24	10153027	TRẦN CHẾ	OANH	DH10CD				V	0,5	0,4	0	4
25	11130018	LÊ NGỌC	PHÁT	DH11DT				8	1,0	3,1	3	1
26	10154061	HỒ TẤN	PHONG	DH10OT					V	V	V	V
27	12130244	LÊ QUỐC	PHÚ	DH12DT				6	5,5	4,6	4	6
28	10138006	ĐẶNG THANH	PHƯƠNG	DH10TD				4	5,5	4	4	0
29	11153009	VÕ MINH	PHƯƠNG	DH11CD				2	4,0	5,2	5	2
30	10137009	LÊ THẾ	QUAN	DH10NL				8	1,0	3,1	3	1
31	10138023	NGUYỄN TẤN	QUÍ	DH10TD				4	3,0	3,3	3	3
32	10154031	NGUYỄN VĂN	QUÍ	DH10OT				7	2,5	3,3	3	3
33	08153022	CHÂU TRUNG	QUỐC	DH08CD				V	2,0	1,4	1	4
34	10154032	ĐỖ VĂN	QUÝ	DH10OT				5	2,5	2,7	2	7
35	10118009	TRẦN VĂN	SANG	DH10CK				3	1,0	1,6	1	6
36	08118014	NGUYỄN QUỐC	SÁNG	DH08CK				V	1,0	0,7	0	7

Số bài: 35 ; Số tờ: 35

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Nguyễn Văn Hiếu

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Triệu Lan

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00934

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Vật lý 2 (202206) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 20/01/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD202

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (30)	Điểm thi (70)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11130011	BÙI HỮU	LỘC	DH11DT				6	0,5	2,2	2	2
2	10137004	ĐỒNG PHÚC	LỘC	DH10NL				6	6,5	6,4	6	4
3	10119003	NGUYỄN VĂN	LỢI	DH10CC				V	7,5	5,3	5	3
4	10137018	HỒ TRÍ	LUÂN	DH10NL				2	4,0	5,2	5	2
5	09130046	NGUYỄN CHÍNH	LUÂN	DH09DT				7	6,0	6,3	6	3
6	11130012	PHẠM QUAN KHIẾT	LUÂN	DH11DT				3	4,5	4,1	4	1
7	11130013	NGUYỄN ĐÌNH	LƯƠNG	DH11DT				8	7,0	7,3	7	3
8	09130050	NGUYỄN KHẮC	MẠNH	DH09DT				8	3,5	4,9	4	9
9	11154045	CHU ĐỨC	MINH	DH11OT				5	6,0	5,7	5	7
10	10130047	LÂM NHẬT	MINH	DH10DT				V	00	0	0	0
11	10137066	LẦU A	NÀM	DH10NL				6	4,0	4,6	4	6
12	09130059	PHẠM BÁ	NGỌC	DH09DT				5	8,0	7,1	7	1
13	11130050	TRẦN ĐÌNH BẢO	NGỌC	DH11DT				8	00	2,4	2	4
14	08154020	NGUYỄN KHOA	NGUYÊN	DH08OT					V		0	0
15	10154068	NGUYỄN VĂN	NGUYÊN	DH10OT				9	7,5	8,0	8	0
16	11130041	TRẦN THỊ THẢO	NGUYÊN	DH11DT				7	6,0	6,3	6	3
17	09137039	TRẦN LIÊM HỒNG	NGUYÊN	DH09NL				5	8,5	7,5	7	5
18	11130080	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	DH11DT				6	4,5	5	5	0

Số bài: 18 ; Số tờ: 3.5

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Nguyễn Văn Hiệp

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thiều Lan

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00937

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Vật lý 2 (202206) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 20/01/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD205 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12130032	ĐIỀN NGỌC ANH	THƯ	DH12DT					Vắng		0	
20	12130115	NGUYỄN THANH	TÒA	DH12DT				6	4	4,6	4	6
21	12130114	NGUYỄN MINH	TOẠI	DH12DT				6	2	3,2	3	2
22	12130033	HUỲNH THỊ NGỌC	TRÂM	DH12DT				8	2	3,8	3	8
23	12130116	DƯƠNG QUỐC	TRỌNG	DH12DT				5	2	2,9	2	9
24	12130117	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	DH12DT				5	1	2,2	2	2
25	12130118	TRƯƠNG KIM	TRỌNG	DH12DT				7	4	4,9	4	9
26	12130120	PHAN THẾ	TRUNG	DH12DT				4	8	6,8	6	8
27	12130035	LÊ ANH	TUẤN	DH12DT				8	6	6,6	6	6
28	12130138	TRƯƠNG MINH	TUẤN	DH12DT				6	6	6,0	6	0
29	12130121	ĐƯƠNG CAO	TÙNG	DH12DT				5	4	4,3	4	3
30	12130122	ĐỖ THANH	TÙNG	DH12DT				2	2	2,0	2	0
31	12130036	NGUYỄN THANH	TÙNG	DH12DT				8	0	2,4	2	4
32	12130123	LÊ ĐÌNH	VĂN	DH12DT				8	9	8,7	8	7
33	12130129	NGUYỄN HỮU	VINH	DH12DT				3	7	6,7	6	7
34	12130044	LÊ HẢI	VỊNH	DH12DT				7	5	5,6	5	6
35	12130126	LƯƠNG NGỌC	XUÂN	DH12DT				8	6	6,6	6	6

Số bài: 34 ; Số tờ: 34

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Trần Văn Hiếu

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 01 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00937

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Vật lý 2 (202206) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 20/01/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD205 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12130136	LÊ TẤN	PHÁP	DH12DT				4	2	2,6	2	6
2	12130097	NGUYỄN ĐÌNH	PHƯỚC	DH12DT				5	6	5,7	5	7
3	12130096	LÊ THU	PHƯƠNG	DH12DT				6	4	4,6	4	6
4	12130023	LÂM THỊ	PHƯỢNG	DH12DT				7	4	4,9	4	9
5	12130099	GIN ĐỨC	QUÂN	DH12DT				4	8	5,4	5	4
6	12130103	TRẦN MINH	SANG	DH12DT				4	5	4,7	4	7
7	12130105	ĐỖ QUANG DUY	TÀI	DH12DT				4	6	5,4	5	4
8	12130024	NGUYỄN THÀNH	TÂM	DH12DT				6	3	3,9	3	9
9	12130039	LÊ NHẬT	TÂN	DH12DT				0	5	3,5	3	5
10	12130042	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	DH12DT				7	7	7,0	7	0
11	12130108	NGUYỄN TUẤN	THANH	DH12DT				4	7	6,1	6	1
12	12130110	TRƯƠNG THỊ THANH	THẢO	DH12DT				9	10	9,7	9	7
13	12130027	VÕ NGỌC MINH	THI	DH12DT				7	7	7,0	7	0
14	12130028	PHAN MINH	THIỆN	DH12DT				3	2	2,3	2	3
15	12130128	TRẦN NGUYỄN CHÍ	THIỆN	DH12DT				7	1	3,8	3	8
16	12130030	PHẠM THỊ HỒNG	THƠ	DH12DT				9	6	6,9	6	9
17	12130113	TRẦN TÂN	THUẬN	DH12DT				7	8	7,7	7	7
18	12130031	NGUYỄN VIẾT	THUY	DH12DT				8	0	2,4	2	4

Số bài: 34 ; Số tờ: 34

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Nguyễn Văn Hiếu

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 01 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00936

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Vật lý 2 (202206) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 20/01/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD204 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (30 %)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12130073	NGUYỄN	HỮU	DH12DT	1			3	4	3,7	3	7
20	12130076	VÕ TRUNG	KIÊN	DH12DT	1			7	3	4,2	4	2
21	12130077	TRẦN GIA	LẠC	DH12DT	1			5	2	2,9	2	9
22	12130078	VÕ DUY	LINH	DH12DT	1			3	8	6,5	6	5
23	12130079	LÊ HỮU	LONG	DH12DT	1			6	2	3,2	3	2
24	12130082	VÕ THANH	MINH	DH12DT	1			6	2	3,2	3	2
25	12130083	LÊ	MỘNG	DH12DT	1			4	2	2,6	2	6
26	12130086	MAI HOÀNG	NAM	DH12DT	1			3	6	5,1	5	1
~~27~~	~~12130087~~	~~TRỊNH XUÂN~~	~~NAM~~	~~DH12DT~~								
28	12130089	ĐẶNG HỮU	NGHĨA	DH12DT	1			7	5	5,6	5	6
29	12130135	NGUYỄN THÀNH	NGUYÊN	DH12DT	1			8	9	8,7	8	7
30	12130041	NGUYỄN TRUNG	NGUYÊN	DH12DT	1			6	7	6,7	6	7
31	12130017	ĐẶNG QUỐC	NHÃ	DH12DT	1			6	2	3,2	3	2
~~32~~	~~12130018~~	~~QUAN TRÍ~~	~~NHÂN~~	~~DH12DT~~								
33	12130019	LÊ MINH	NHẬT	DH12DT	1			5	1	2,2	2	2
34	12130020	NGUYỄN MINH	NHẬT	DH12DT	1			5	7	6,4	6	4
35	12130021	NGUYỄN	NHƠN	DH12DT	1			9	6	6,9	6	9

Số bài: 30 ; Số tờ: 30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Nguyễn Văn [illegible]

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 01 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00936

F-22/02-113

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Vật lý 2 (202206) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 20/01/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD204 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
~~1~~	~~12130015~~	~~LÊ TRƯỜNG~~	~~AN~~	~~DH12DT~~								
2	12130046	NGUYỄN DUY	ANH	DH12DT	1			5	4	4,3	4	3
3	12130050	NGUYỄN THỊ KIM	CHUNG	DH12DT	1			7	10	9,1	9	1
4	12130139	ĐẶNG NGỌC	CỪ	DH12DT	1			4	7	6,1	6	1
~~5~~	~~12130132~~	~~NGUYỄN VĂN~~	~~CƯỜNG~~	~~DH12DT~~								
~~6~~	~~12130052~~	~~HỒ VĂN NGỌC~~	~~ĐAN~~	~~DH12DT~~								
7	12130053	LÊ MINH	ĐẠT	DH12DT	1			6	2	3,2	3	2
8	12130037	TRẦN VĂN	ĐẠT	DH12DT	1			8	8	8,0	8	0
9	12130056	BÙI MINH	ĐĂNG	DH12DT	1			8	8	8,0	8	0
10	12130008	NGUYỄN HOÀNG	GIA	DH12DT	1			4	7	6,8	6	8
11	12130009	VÕ THỊ KIM	HẠNH	DH12DT	1			7	7	7,0	7	0
12	12130066	ĐẶNG HUY	HOÀNG	DH12DT	1			4	8	6,8	6	8
13	12130067	NGUYỄN VŨ	HOÀNG	DH12DT	1			7	3	4,2	4	2
14	12130069	ĐẶNG QUỐC	HUY	DH12DT	1			6	3	3,9	3	9
15	12130038	ĐỖ THÀNH	HƯNG	DH12DT	1			4	7	6,1	6	1
16	12130071	NGUYỄN ĐỒNG	HƯNG	DH12DT	1			6	1	2,5	2	5
17	12130140	TRẦN THỊ	HƯƠNG	DH12DT	1			8	8	8,0	8	0
18	12130133	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	DH12DT	1			8	7	4,5	4	5

Số bài: 30 ; Số tờ: 30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 01 năm 2013